

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2011/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải
vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020
và định hướng đến năm 2030**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ Giao thông vận tải (Tờ trình số 7873/TTr-BGTVT ngày 09 tháng 11 năm 2010) về Quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của vùng; chiến lược, quy hoạch phát triển giao thông vận tải quốc gia và các địa phương có liên quan.

2. Phát triển giao thông vận tải với bước đột phá mạnh mẽ tạo tiền đề đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội vùng, đáp ứng yêu cầu là vùng đi đầu trong công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa, thu hút đầu tư nước ngoài và hội nhập quốc tế, củng cố an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội.

3. Phát triển giao thông vận tải trên cơ sở phát huy tối đa lợi thế của vùng là vị trí trung tâm và cửa ngõ chiến lược về đường biển và đường hàng không; đảm bảo sự liên kết giữa các phương thức vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt,

hàng không và cảng biển; sự liên kết giữa Thủ đô Hà Nội với vai trò là đầu mối giao thông với các tỉnh, thành phố trong vùng.

4. Phát triển vận tải chất lượng cao với chi phí hợp lý, giảm thiểu tai nạn giao thông, hạn chế ô nhiễm môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vận tải tiên tiến, đặc biệt là vận tải đa phương thức và logistics.

5. Chú trọng bảo trì để khai thác triệt để năng lực kết cấu hạ tầng giao thông hiện có; tập trung đầu tư có trọng điểm các công trình quan trọng bức thiết mang tính đột phá, ưu tiên các công trình giải quyết tình trạng ùn tắc.

6. Phát triển mạnh mẽ giao thông đô thị, đặc biệt là Thủ đô Hà Nội. Liên kết chặt chẽ hệ thống giao thông vận tải quốc gia với hệ thống giao thông vận tải địa phương, chú trọng phát triển giao thông địa phương, nhất là giao thông nông thôn.

7. Huy động tối đa các nguồn lực trong và ngoài nước, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển giao thông vận tải dưới nhiều hình thức.

8. Phát huy ưu thế về nguồn nhân lực, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến và tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển giao thông vận tải vùng, làm hạt nhân phát triển cho toàn ngành.

9. Dành quỹ đất hợp lý để phát triển kết cấu hạ tầng giao thông và tăng cường công tác đảm bảo hành lang an toàn giao thông.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu phát triển đến năm 2020

a) Về vận tải: đáp ứng được nhu cầu vận tải hàng hóa và hành khách với chất lượng tốt, giá cả hợp lý, đảm bảo an toàn, tiện lợi, kiểm chế tiến tới giảm tai nạn giao thông và hạn chế ô nhiễm môi trường trên cơ sở tổ chức vận tải hợp lý và phát triển mạnh vận tải công cộng ở các đô thị, vận tải đa phương thức, dịch vụ logistics. Các chỉ tiêu cụ thể:

Khối lượng vận tải toàn vùng sẽ đạt khoảng 450 - 500 triệu tấn hàng hóa và 700 - 800 triệu hành khách/năm, với tốc độ tăng trưởng bình quân 9 - 10%/năm, trong đó lượng hàng hóa thông qua các cảng biển trong vùng là 115 - 160 triệu tấn/năm; lượng hành khách thông qua các cảng hàng không trong vùng là 25 triệu hành khách/năm. Vận tải hành khách công cộng đô thị Hà Nội đạt 35%, Hải Phòng và các đô thị tương đương khác đạt 15 - 20%.

b) Về kết cấu hạ tầng:

Đưa vào cấp kỹ thuật hệ thống quốc lộ hiện có; đẩy nhanh tốc độ xây dựng mạng lưới đường bộ cao tốc, phấn đấu đến năm 2020 hoàn thành khoảng 500 km đường bộ cao tốc. Đưa vào cấp kỹ thuật hệ thống đường tỉnh và mở mới một số tuyến cần thiết. Tiếp tục phát triển giao thông nông thôn, 80% đường nông thôn được cứng hóa mặt đường.

Hoàn thành cải tạo, nâng cấp mạng đường sắt hiện có đạt tiêu chuẩn đường sắt quốc gia cấp 1; kết nối đường sắt với các cảng biển quốc tế, nhà máy, khu kinh tế, khu mỏ và các trung tâm du lịch lớn; nhanh chóng phát triển các tuyến vận tải bánh sắt khối lượng lớn tại các đô thị, đặc biệt là Thủ đô Hà Nội; nghiên cứu cải tạo đường sắt Hà Nội - Hải Phòng thành đường đôi, điện khí hóa; hoàn thành tuyến đường sắt Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân; nghiên cứu để đầu tư vào thời điểm thích hợp các tuyến Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, Đồng Đăng - Hà Nội, cao tốc Bắc - Nam.

Từng bước nâng cấp, mở rộng hệ thống cảng biển đáp ứng lượng hàng hóa thông qua trong từng thời kỳ; tập trung xây dựng một số bến cảng nước sâu đạt tiêu chuẩn quốc tế tại Lạch Huyện cho tàu trọng tải đến 100.000 DWT, Cái Lân cho tàu đến 50.000 DWT; phát triển cảng tại các huyện đảo với quy mô phù hợp đáp ứng nhu cầu phát triển và đảm bảo an ninh quốc phòng; nghiên cứu kết hợp chính trị và cải tạo, nâng cấp luồng đảm bảo tàu ra vào thuận lợi và đồng bộ với quy mô bến.

Hoàn thành đưa vào cấp kỹ thuật đảm bảo chạy tàu 24/24h hệ thống các tuyến đường thủy nội địa đang quản lý, đồng thời phấn đấu tăng chiều dài đường thủy nội địa được quản lý; xây dựng mới cảng container Phù Đổng, các cảng khách đầu mối tại Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh; chuyển đổi công năng cảng Hà Nội theo hướng chủ yếu phục vụ du lịch kết hợp bốc xếp hàng sạch.

Nâng cấp, mở rộng các cảng hàng không hiện có đáp ứng nhu cầu trong từng thời kỳ, đồng thời từng bước xây dựng các cảng hàng không mới theo quy hoạch. Hoàn thành nhà ga T2 Nội Bài trước năm 2015. Nghiên cứu để xây dựng cảng hàng không Tiên Lãng đưa vào khai thác sử dụng khi Cảng hàng không Cát Bi mãn tải.

Đối với giao thông đô thị Thủ đô Hà Nội, cải tạo, nâng cấp và mở rộng kết hợp tăng cường công tác quản lý bảo trì để sử dụng hiệu quả cơ sở hạ tầng giao thông đô thị hiện có; đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình trọng điểm gồm các trục chính đô thị, các trục hướng tâm, các tuyến vành đai, các tuyến vận tải bánh sắt khối lượng lớn, hệ thống giao thông tĩnh theo quy hoạch Thủ đô Hà Nội mở rộng để giải quyết tình trạng ùn tắc giao thông, đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân. Phấn đấu quỹ đất dành cho giao thông đô thị đạt 15%.

Đối với giao thông đô thị thành phố Hải Phòng và các thành phố, thị xã khác, hoàn chỉnh quy hoạch, từng bước phát triển hệ thống hạ tầng giao thông đô thị và vận tải hành khách công cộng đáp ứng nhu cầu.

2. Định hướng phát triển đến năm 2030

Thỏa mãn được nhu cầu vận tải và dịch vụ vận tải của xã hội với chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn quốc tế, giá thành hợp lý và cạnh tranh, nhanh chóng, an toàn; kết nối thuận lợi giữa các phương thức vận tải, giữa các tỉnh, thành phố trong vùng, với cả nước và quốc tế.

Cơ bản hoàn thiện và hiện đại hóa mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông. Tiếp tục phát triển các công trình kết cấu hạ tầng giao thông theo quy hoạch.

III. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN

1. Quy hoạch phát triển vận tải

Tổ chức vận tải hợp lý trên một số hành lang vận tải chủ yếu gồm:

- Hành lang Bắc - Nam gồm 4 phương thức vận tải: đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không. Vận tải hàng hóa đường dài chủ yếu do đường biển và đường sắt đảm nhận. Vận tải hành khách đường dài sẽ chuyển dần sang đường sắt và hàng không. Hàng hóa và hành khách trên các cung đoạn ngắn và nội tỉnh chủ yếu do vận tải đường bộ đảm nhận.

- Hành lang Hà Nội - Hải Phòng gồm 3 phương thức vận tải: đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa. Hành khách chủ yếu sử dụng vận tải đường bộ, hàng hóa chia sẻ giữa 3 phương thức vận tải đường bộ, đường sắt và đường sông.

- Hành lang Hà Nội - Quảng Ninh gồm 3 phương thức vận tải: đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa. Hành khách chủ yếu sử dụng vận tải đường bộ, đường sắt; hàng hóa chia sẻ giữa 3 phương thức vận tải đường bộ, đường sắt và đường sông.

- Hành lang Hà Nội - Lào Cai gồm 3 phương thức vận tải: đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa. Do điều kiện địa hình, việc vận tải hàng hóa và hành khách trên tuyến do đường bộ và đường sắt đảm nhận là chính.

- Hành lang Hà Nội - Lạng Sơn gồm 2 phương thức vận tải: đường bộ và đường sắt. Vận tải đường bộ chiếm ưu thế tuyệt đối về cả vận chuyển hàng hóa và hành khách.

- Hành lang Ninh Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh gồm 2 phương thức vận tải: đường bộ và đường thủy nội địa, trong đó vận tải đường bộ là chủ yếu.

2. Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông

a) Đường bộ

Các trục cao tốc

- Đại lộ Thăng Long: từ nút giao Trung Hòa đến quốc lộ 21A tại Hòa Lạc (thành phố Hà Nội), dài 30 km, quy mô 6 làn xe cao tốc và 2 tuyến đường đô thị hai bên.

- Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng: từ vành đai III (thành phố Hà Nội) đến đập Đình Vũ (thành phố Hải Phòng), dài 105,5 km, quy mô 6 làn xe.

Đoạn Tân Vũ - Lạch Huyện: từ nút giao Tân Vũ đến cảng cửa ngõ Lạch Huyện (thành phố Hải Phòng), dài khoảng 16 - 17 km, quy mô 4 làn xe giai đoạn I, 6 làn xe giai đoạn II, trong đó, đoạn cầu Đình Vũ - Cát Hải dài khoảng 5 km làm cầu vượt biển.

- Cao tốc Hà Nội - Việt Trì - Lào Cai: từ nút giao cao tốc Nội Bài - Hạ Long với quốc lộ 2 (thành phố Hà Nội) đến xã Quang Kim (huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai), dài 264 km, (trong đó, đoạn tuyến nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ dài khoảng 60 km), quy mô 4 làn xe giai đoạn I, 6 làn xe giai đoạn II.

- Cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên: từ km 152 + 400 quốc lộ 1A mới tại Ninh Hiệp (huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội) đến km 61 + 313 quốc lộ 3 tại Thịnh Đán (thành phố Thái Nguyên), dài 61,3 km, (trong đó, đoạn thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ dài 35 km), quy mô 4 làn xe giai đoạn I, 6 làn xe giai đoạn II.

- Cao tốc Lạng Sơn - Bắc Giang - Bắc Ninh: từ cửa khẩu Hữu Nghị (tỉnh Lạng Sơn) đến cầu Như Nguyệt (tỉnh Bắc Ninh), dài 130 km, (trong đó đoạn tuyến nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ dài 11 km), quy mô 4 - 6 làn xe.

- Cao tốc Nội Bài - Hạ Long: từ thành phố Bắc Ninh (tỉnh Bắc Ninh) đến thành phố Hạ Long (tỉnh Quảng Ninh), dài 136 km, quy mô 4 làn xe giai đoạn I, 6 làn xe giai đoạn II.

- Cao tốc Hạ Long - Móng Cái: từ thành phố Hạ Long đến Móng Cái (tỉnh Quảng Ninh), dài 128 km, quy mô 4 - 6 làn xe.

- Cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ (thuộc trục cao tốc Bắc - Nam): từ nút giao Pháp Vân (thành phố Hà Nội) đến Km 210 quốc lộ 1A (tỉnh Hà Nam), dài 32,3 km. Hiện tại quy mô 4 làn xe, quy hoạch mở rộng 6 làn xe.

- Cao tốc Hòa Lạc - Hòa Bình: từ nút giao Hòa Lạc (thành phố Hà Nội) đến thành phố Hòa Bình (tỉnh Hòa Bình), dài 26 km, (trong đó, đoạn trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ dài khoảng 15 km), quy mô 6 làn xe.